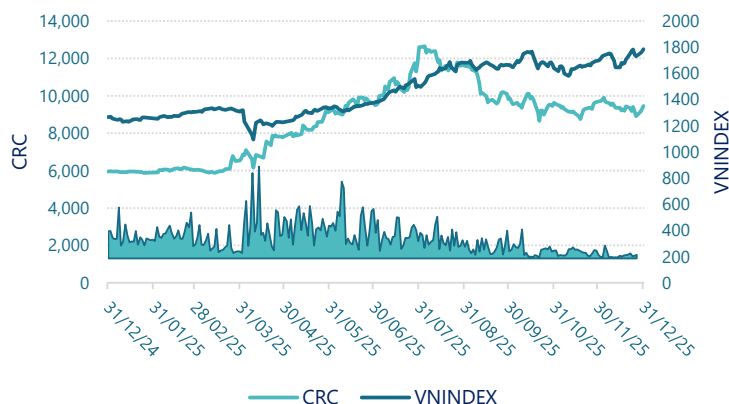


CTCP Create Capital Việt Nam (HSX: CRC)

Lịch sử giá



Thông tin giao dịch 31/12/2025

Giá hiện tại (VNĐ)	9,460
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)	12,650
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)	5,877
SL cổ phiếu LH	68,399,924
KLGD BQ 20 phiên (CP)	909,035
% sở hữu nước ngoài	0.6%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)	
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	647
P/E	11.5
EPS	826

DT thuần

Q4/25

209

tỷ VNĐ

QoQ: ▲ 112 | 115%

YoY: ▲ 84.0 | 67.5%

LN sau thuế

Q4/25

18.0

tỷ VNĐ

QoQ: ▲ 2.20 | 14.0%

YoY: ▲ 6.10 | 51.4%

Tỷ suất lãi EBIT

2025

15.3%

+/- YoY: ▼ 3.1%

DT thuần

2025

578

tỷ VNĐ

YoY: ▲ 113 | 24.3%

LN sau thuế

2025

61.8

tỷ VNĐ

YoY: ▼ 4.30 | -6.5%

ROE

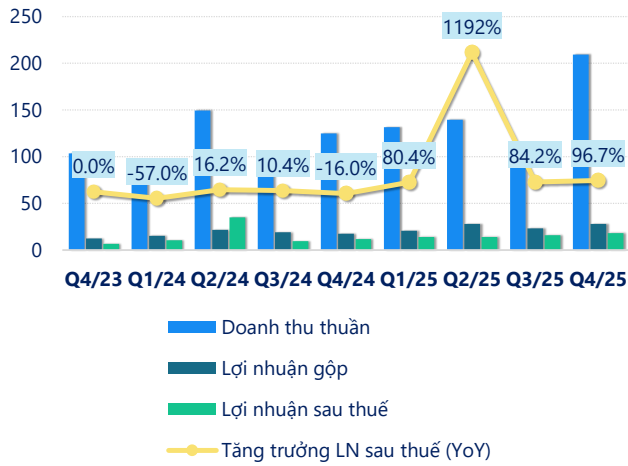
2025

6.7%

+/- YoY: ▼ 3.8%

tỷ VNĐ

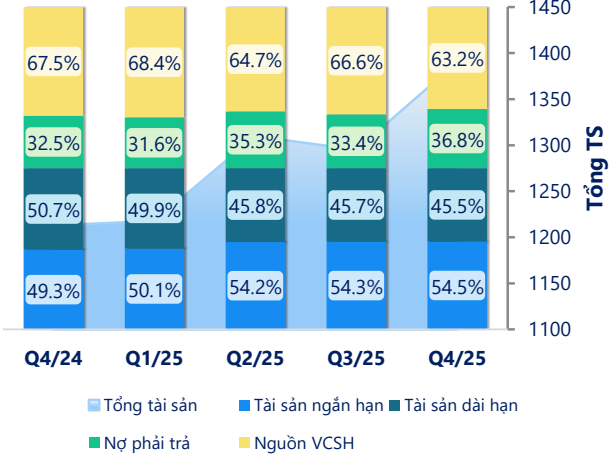
Kết quả kinh doanh



(Nguồn: fireant.vn)

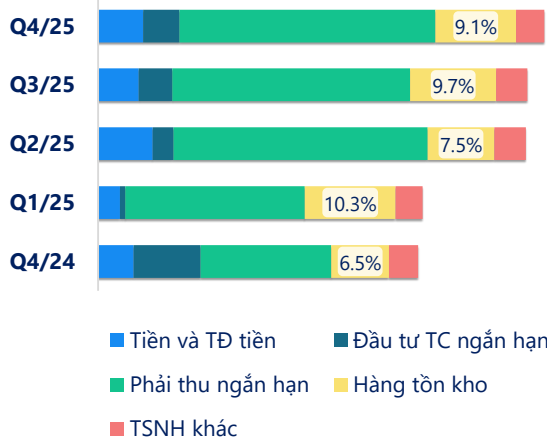
Cơ cấu Tổng tài sản

tỷ VNĐ



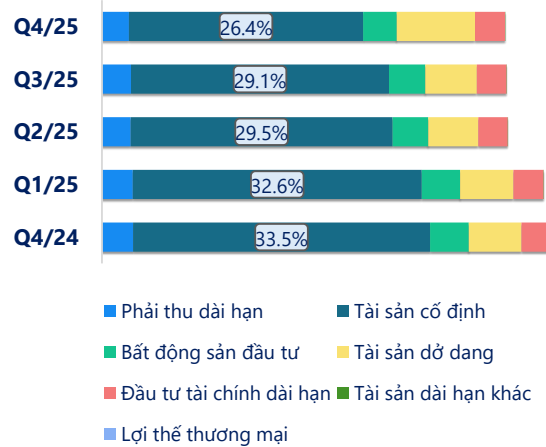
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản ngắn hạn/Tổng TS



(Nguồn: fireant.vn)

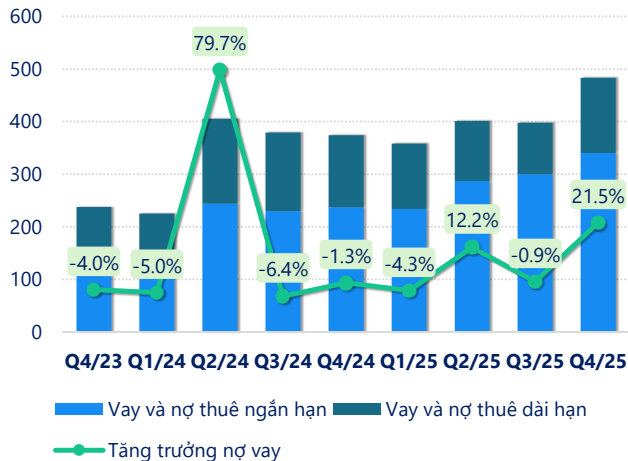
Cơ cấu Tài sản dài hạn/Tổng TS



(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

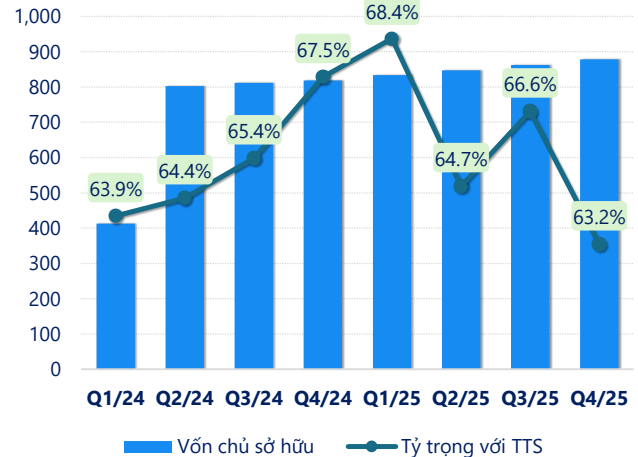
Nợ vay



(Nguồn: fireant.vn)

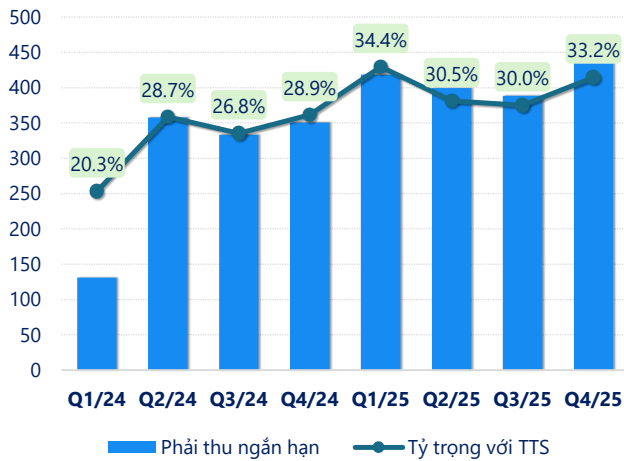
tỷ VNĐ

Vốn chủ sở hữu



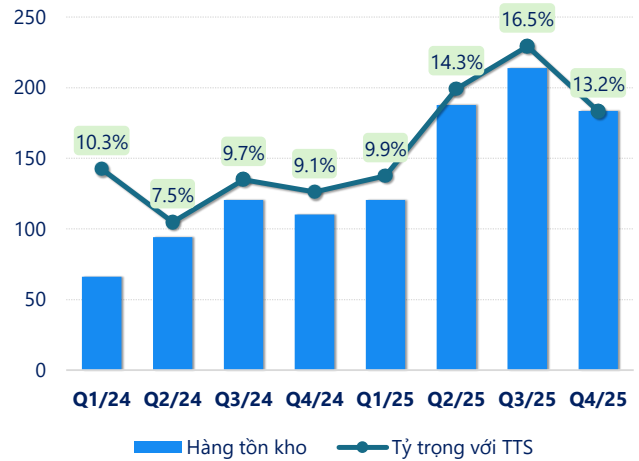
(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

Phải thu ngắn hạn


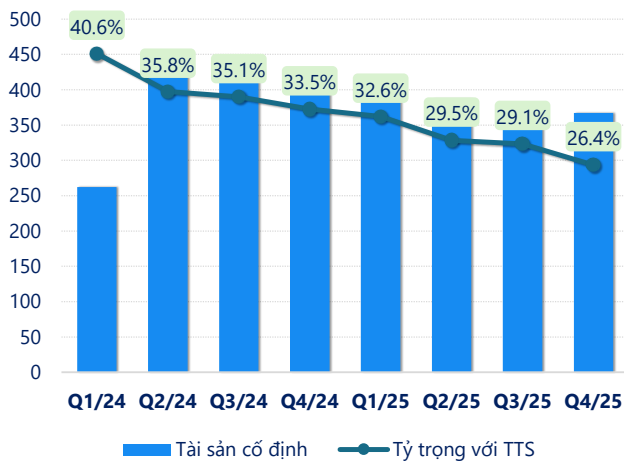
(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

Hàng tồn kho


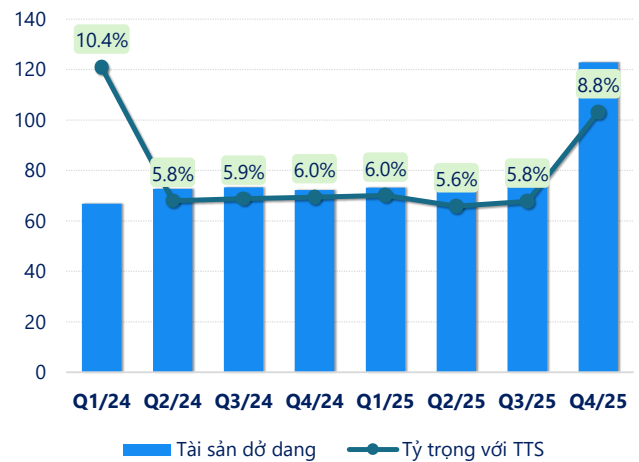
(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

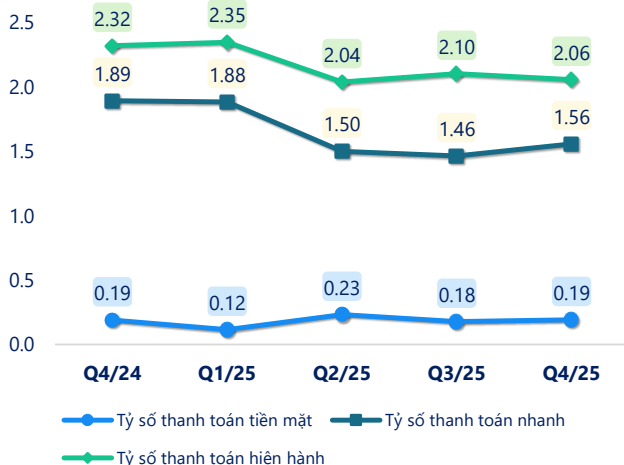
Tài sản cố định


(Nguồn: fireant.vn)

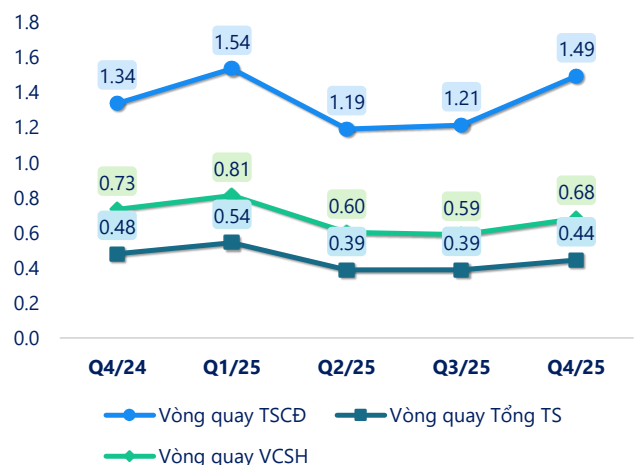
tỷ VNĐ

Tài sản dở dang


(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản


(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản


(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25	Q4/25
Tổng tài sản	1,213	1,218	1,310	1,295	1,390
Tài sản ngắn hạn	598	611	710	704	757
Tiền và tương đương tiền	48.8	30.0	80.7	59.4	70.6
Đầu tư tài chính ngắn hạn	49.6	4.20	5.83	5.83	5.83
Phải thu ngắn hạn	351	418	399	389	461
Hàng tồn kho	110	121	188	214	183
Tài sản ngắn hạn khác	39.0	37.4	36.0	36.0	36.2
Tài sản dài hạn	615	607	600	591	633
Phải thu dài hạn	42.5	42.5	42.5	42.5	42.5
Tài sản cố định	407	397	387	377	367
Bất động sản đầu tư	53.0	53.0	53.0	53.0	53.0
Tài sản dở dang	72.2	73.1	73.9	75.2	123
Đầu tư tài chính dài hạn	39.1	41.4	43.5	43.5	47.2
Tài sản dài hạn khác	1.45	0.38	0.33	0.26	0.36
Lợi thế thương mại	0	0	0	0	0
Nợ phải trả	395	384	463	433	512
Nợ ngắn hạn	258	260	348	335	368
Vay và nợ thuê ngắn hạn	237	234	287	300	340
Phải trả người bán ngắn hạn	14.1	18.5	47.1	17.1	12.2
Nợ dài hạn	137	124	114	98.1	143
Vay và nợ thuê dài hạn	137	124	114	98.1	143
Nguồn vốn chủ sở hữu	818	833	847	862	878
Vốn chủ sở hữu	818	833	847	862	878
Vốn điều lệ	600	600	684	684	684
Kinh phí và quỹ khác	0	0	0	0	0

(Nguồn: fireant.vn)